

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **68/2024/DS – PT**

Ngày 14 – 6 – 2024;

V/v Tranh chấp về quyền sử dụng đất
và quyền sở hữu tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông **Nguyễn Văn Dũng**.

Các Thẩm phán: bà **Nguyễn Thị Liên**,

bà **Võ Thị Minh Phượng**.

- Thư ký phiên tòa: bà **Trần Thị Mẫn** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa: bà **Trần Thị Thanh Bắc** - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 25/2024/TLPT - DS ngày 03 tháng 5 năm 2024 về việc “*Tranh chấp về quyền sử dụng đất rừng*”;

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 12/2024/DS - ST ngày 14 tháng 3 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Quảng Nam bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 31/2024/QĐ - PT ngày 09 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* ông **Từ Văn T**, sinh năm 1965; địa chỉ: thôn H, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam;

- *Bị đơn:* ông **Lê Văn K**, sinh năm 1973; địa chỉ: thôn H, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Ngô Thị T1; địa chỉ: thôn H, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam;

2. Ông Từ Văn H, sinh năm 1959;

3. Bà Vương Thị C, sinh năm 1933;

Cùng địa chỉ: thôn H, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam.

4. Ông Từ Văn N, sinh năm 1963;

Địa chỉ: thôn T, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam.

- *Người kháng cáo:* nguyên đơn **Từ Văn T2**;

Ông T2 có mặt; người tham gia tố tụng khác vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Phía nguyên đơn cho rằng: thửa đất rừng số 744, tờ bản đồ số 02, diện tích 25.197m² có nguồn gốc của ông khai hoang, sử dụng từ năm 1994, kê khai, đăng ký từ năm 2007 nhưng chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ngày 23 tháng 3 năm 2016, ông Lê Văn K khai thác trộm cây keo, lấn chiếm của ông T2 4.936m² đất rừng thuộc thửa đất trên. Ông T2 khởi kiện, yêu cầu ông K trả lại cho ông T2 4.936m² đất đã lấn chiếm và 11 tấn keo đã khai thác với giá tiền keo là 12.000.000 đồng. Tại phiên tòa sơ thẩm, ông T2 bổ sung yêu cầu buộc ông K bồi

thường thiệt hại về kinh tế trong 08 năm ông K chiếm giữ đất (từ năm 2016 đến năm 2024), mỗi năm 3.000.000 đồng, tổng cộng là 24.000.000 đồng.

Phía bị đơn không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và cho rằng: diện tích đất mà nguyên đơn tranh chấp là của ông K quản lý và trồng cây keo lá tràm ổn định từ năm 1992, tại khu V, thôn T, xã Đ, huyện Đ; ông K sử dụng đất không lấn chiếm của ai và cũng không tranh chấp đất với ai. Keo của ông K trồng thì ông K khai khác, không khai thác trộm của ông T2.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có ý kiến như sau:

- Bà Ngô Thị T1 là vợ của ông K, không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, thống nhất với lời trình bày của ông K.

- Các ông, bà Vương Thị C, Từ Văn N, Từ Văn H đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và khẳng định các ông, bà không có liên quan gì đến quyền sử dụng đất và tài sản đang tranh chấp.

Với nội dung như trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số 12/2024/DS - ST ngày 14 tháng 3 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Quảng Nam đã căn cứ các điều 147, 203, 227, 228, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 166, 175 Bộ luật Dân sự; Điều 166, khoản 1 Điều 203 Luật Đất đai năm 2013; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, xử: *chấp nhận một phần yêu cầu của ông Từ Văn T, buộc ông Lê Văn K trả lại diện tích đất đã lấn chiếm 4.936m² của ông T trong thửa đất 744 có diện tích 25.197m² đo thực tế 31.853m². Không chấp nhận yêu cầu của ông Từ Văn T, buộc ông Lê Văn K bồi thường thiệt hại 11 tấn keo có giá trị khoảng 12.000.000 đồng. Ông Từ Văn T được nhận toàn bộ cây trên đất tranh chấp 4.936m² và ông T trả lại cho ông Lê Văn K số tiền 36.000.000 đồng.*

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định án phí, chi phí tố tụng, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 25 tháng 3 năm 2024, nguyên đơn Từ Văn Thắng có đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm buộc bị đơn bồi thường 11 tấn keo đã khai thác là 12.000.000 đồng và bồi thường do chiếm đất 8 năm là 24.000.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam giữ nguyên nội dung kháng nghị và phát biểu ý kiến: Tòa án, người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự về việc thụ lý, xét xử vụ án; đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 12/2024/DS - ST ngày 14 tháng 3 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Quảng Nam.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên nội dung khởi kiện và nội dung kháng cáo và thông báo không thỏa thuận được với bị đơn về việc giải quyết vụ án.

[2]. Xét kháng cáo của nguyên đơn

[2.1]. Về thủ tục tố tụng tại cấp phúc thẩm:

[2.1.1]. Việc thụ lý kháng cáo trong thời hạn, đúng điều kiện, thủ tục và thẩm quyền theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, nên kháng cáo của nguyên đơn Từ Văn Thắng là hợp pháp.

[2.1.2]. Bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Theo đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định tại các điều 294, 296 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2.2]. Về xét nội dung kháng cáo

Nguyên đơn yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm buộc bị đơn trả lại giá trị 11 tấn keo đã khai thác ngày 23 tháng 3 năm 2016 là 12.000.000 đồng và bồi thường thiệt hại do chiếm đất 8 năm là 24.000.000 đồng. Hội đồng xét xử thấy:

Thứ nhất, nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả lại giá trị tài sản của 11 tấn keo, giá 12.000.000 đồng. Bị đơn cho rằng tài sản này thuộc quyền sở hữu của bị đơn. Theo đó, Hội đồng xét xử xác định yêu cầu khởi kiện này của nguyên đơn thuộc tranh chấp quyền sở hữu tài sản.

Thứ hai, nguyên đơn đưa ra yêu cầu khởi kiện bổ sung tại phiên tòa sơ thẩm về nội dung buộc bị đơn bồi thường thiệt hại bị mất do bị đơn chiếm đất của nguyên đơn 8 năm (*từ năm 2016 đến năm 2024*). Kiểm tra hồ sơ vụ án thì thấy: tại đơn khởi kiện và trong quá trình tham gia tố tụng ở giai đoạn chuẩn bị xét xử (*BL 01, 14, 23, 25, 33, 95, 99 – 100, 117c*), nguyên đơn không đưa ra yêu cầu bị đơn bồi thường thiệt hại phát sinh do bị chiếm đất. Tại phiên tòa sơ thẩm ngày 14 tháng 3 năm 2024, nguyên đơn bổ sung yêu cầu khởi kiện này là thuộc trường hợp vượt quá yêu cầu khởi kiện đã được Tòa án thụ lý, giải quyết và đưa ra xét xử. Theo đó, Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét, giải quyết yêu cầu này của nguyên đơn là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 224 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Do vậy, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn về nội dung này. Nguyên đơn có quyền lựa chọn việc khởi kiện yêu cầu người gây thiệt hại cho nguyên đơn trong vụ việc khác.

Thứ ba, nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả lại giá trị 11 tấn keo đã khai thác vào ngày 23 tháng 3 năm 2016, nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh thời điểm, địa điểm bị đơn khai thác keo của nguyên đơn, đặc điểm, chủng loại, giá trị tài sản của nguyên đơn bị khai thác. Tại biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 21 tháng 10 năm 2022 do Tòa án cấp sơ thẩm thực hiện chỉ xác định được trên đất tranh chấp có keo lá tràm khoảng 02 năm tuổi, là tài sản của bị đơn (*BL 90*). Theo yêu cầu của Tòa án, tại Công văn số 134/CV ngày 04 tháng 5 năm 2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra huyện Đ xác định “*không có thông tin, tài liệu liên quan nào đến vụ việc mà Tòa án nhân dân huyện Đ đề nghị cung cấp*” (*BL 107*), tại Công văn số 01/CV – CAX ngày 24 tháng 4 năm 2023, Công an xã Đ xác nhận “*vào năm 2016, Công an xã không tiếp nhận vụ việc trên...*” (*BL 114*). Tại phiên hòa giải ở Ủy ban nhân dân xã Đ ngày 20 tháng 6 năm 2019, ông Lê Văn K cho rằng “*năm 2016 tôi vẫn khai thác keo lá tràm 11 tấn, bán được 12 triệu như lời của anh T báo cáo nhưng đó là keo và đất rừng của tôi. Đến nay tôi đã trồng lại cây được 3 năm tuổi... Công an huyện đã mời tôi xuống làm việc hai lần... nhưng đến nay vẫn chưa có kết quả giải quyết....*” (*BL 10 – 11*). Tại Thông báo số 07/TB ngày 17 tháng 12 năm 2017, Cơ quan Cảnh sát điều tra huyện Đ xác định “*vào ngày 05 tháng 10 năm 2017, Cơ quan CSĐT Công an huyện Đ nhận được đơn báo mất tài sản của ông Từ Văn T.... Qua quá trình điều tra xác định được như sau: năm 2003, nhiều hộ dân trong và ngoài xã*

Đ đến chiếm dụng 30ha đất rừng của các cán bộ lâm trường để trồng thom, keo lá tràm, trong đó có hộ ông Từ Văn T và ông Lê Văn K...Thửa đất rừng 744 của ông Từ Văn T và thửa 743 của ông Lê Văn K nằm trong khu vực 30ha trên, khu vực đất rừng này đang xảy ra tranh chấp, tài sản trên đất là tài sản tranh chấp nên giữa ông T và ông K có quan hệ tranh chấp về quyền sở hữu tài sản...thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ. Mặt khác, tại phiên tòa sơ thẩm, trả lời câu hỏi về việc “ông có khai thác cây keo lần nào trên đất tranh chấp chưa”, ông T xác nhận “tôi đã khai thác bán cây 01 lần” và cho rằng “trồng keo từ năm 2007, sau đó khai thác vào năm 2010 và không trồng keo lại, chỉ khai thác keo tái sinh” (BL 174).

Theo đó, ông T có gửi đơn đến cơ quan có thẩm quyền báo mất tài sản từ năm 2017 và tranh chấp cây trên đất với ông K từ thời gian này. Ông K thừa nhận có khai thác 11 tấn keo trị giá 12.000.000 đồng. Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Đ không kết luận, giải quyết việc tranh chấp tài sản giữa hai bên, nhưng xác định ông K và ông T cùng sử dụng đất rừng để trồng keo tại khu vực tranh chấp từ năm 2003 và giữa các bên đã tranh chấp đất rừng tại thời điểm 2003 cho đến nay. Ông T khẳng định chỉ trồng keo từ năm 2007, những người làm chứng như Trà Thị S (BL 154), Từ Văn N (155), Trương Thị T3 (BL 156)...xác định có tham gia trồng keo nhưng không xác định được thời điểm trồng keo cho ông Từ Văn T.

Các tình tiết trên cho thấy: ông T tranh chấp đất với ông K từ năm 2003, tài sản tranh chấp (11 tấn keo) do ông K chiếm hữu, định đoạt từ năm 2016, hiện nay ông K là người đang sử dụng đất và ông T yêu cầu ông K trả lại đất này, điều này cho thấy tranh chấp quyền sử dụng đất của các bên diễn ra từ năm 2003 đến nay (hơn 20 năm và khoảng từ 4 đến 6 chu kỳ khai thác keo) và cũng từ thời điểm 2003 đến nay ông K là người sử dụng đất tranh chấp, nhiều lần khai thác tài sản trên đất tranh chấp (trong khi ông T khẳng định chỉ khai thác 01 lần vào năm 2010 nhưng không có chứng cứ chứng minh) nên không có cơ sở để cho rằng số keo mà ông K khai thác năm 2016 là do ông T chăm sóc từ keo tái sinh mà ông T đã khai thác năm 2010. Ông T cho rằng đây là tài sản của mình nhưng không có tài liệu chứng cứ chứng minh rõ ràng 11 tấn keo mà ông K khai thác năm 2016 là tài sản thuộc quyền sở hữu của ông T. Do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện này của ông T là phù hợp với kết quả thu thập chứng cứ và chứng minh trong quá trình giải quyết vụ án. Theo đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn về nội dung này.

Từ các nhận định trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 12/2024/DS - ST ngày 14 tháng 3 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Đ về phần tranh chấp quyền sở hữu tài sản.

[2.3]. Về án phí dân sự phúc thẩm: do kháng cáo không được chấp nhận nên nguyên đơn phải chịu án phí, khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí nguyên đơn đã nộp.

[3]. Các phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị và Tòa án cấp phúc thẩm không xem xét có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các điều 13, 191 Bộ luật Dân sự năm 2005, Điều 184 Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về

mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. **Tuyên xử:**

1. Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn Từ Văn T2, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 12/2024/DS - ST ngày 13 tháng 4 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Quảng Nam về phần tranh chấp quyền sở hữu 11 tấn keo lá tràm trị giá 12.000.000 (mười hai triệu) đồng.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Từ Văn T2 về việc buộc ông Lê Văn K trả lại cho ông Từ Văn T 11 tấn keo lá tràm trị giá 12.000.000 (mười hai triệu) đồng.

3. Các phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị, Tòa án cấp phúc thẩm không xem xét có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Án phí dân sự phúc thẩm: ông Từ Văn T phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông T đã nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0016674 ngày 29 tháng 3 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (ngày 14 tháng 6 năm 2024).

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Quảng Nam;
- TAND huyện Đ;
- THADS huyện Đ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THÂM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Nguyễn Văn Dũng